

Ngày <b>31/03/2024</b>	<b>116,500 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	<b>4.6%</b>	<b>20.2%</b>	<b>25.5%</b>

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	65,847 - 117,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	147,951
Số lượng CPLH (CP)	1,269,968,875
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,052,664
Sở hữu nước ngoài	49.0%
Beta	1.04
EPS	5,335
P/E	21.8

**DT thuần**  
Q1/24

**14,093**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼597| -4.1%  
YoY: ▲ 2,412| 20.6%

**LN trước thuế**  
Q1/24

**2,534**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 99.0| 4.0%  
YoY: ▲ 413| 19.5%

**LN sau thuế**  
Q1/24

**2,160**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 109| 5.3%  
YoY: ▲ 350| 19.4%

**ROA**  
2023

**11.6%**

+/- YoY: ▲ 1.5%

**DT thuần**  
2023

**52,618**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8,608| 19.6%

**LN trước thuế**  
2023

**9,203**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,541| 20.1%

**LN sau thuế**  
2023

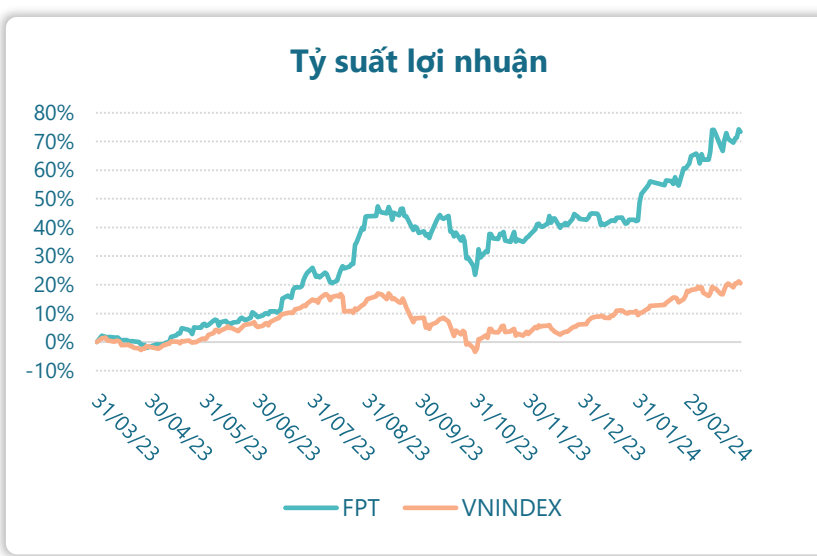
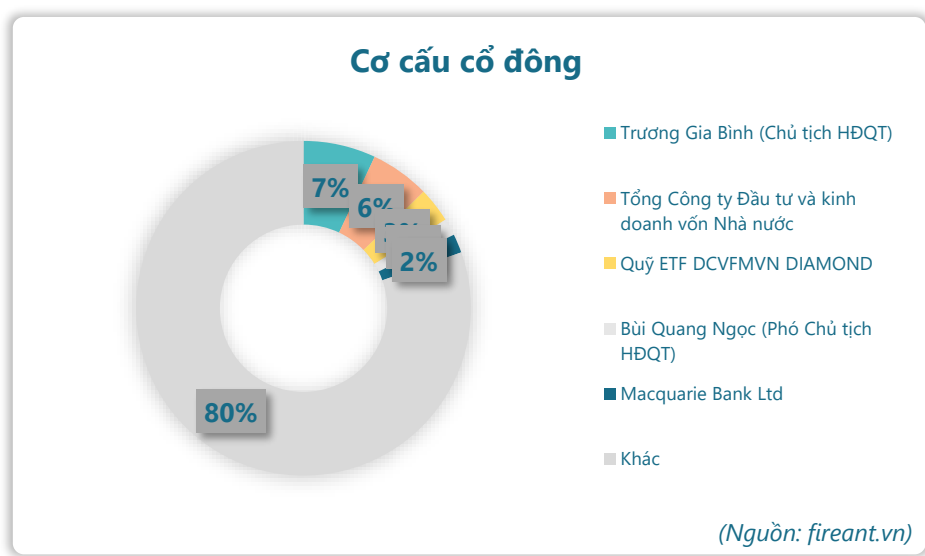
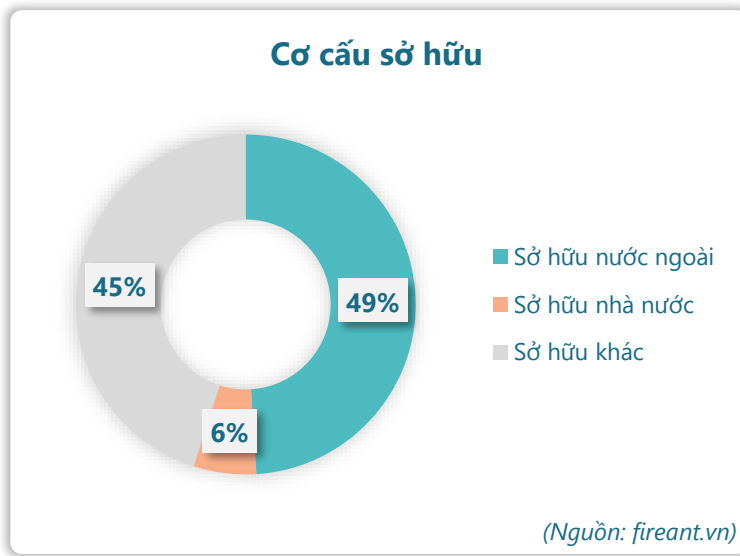
**7,788**  
tỷ VNĐ

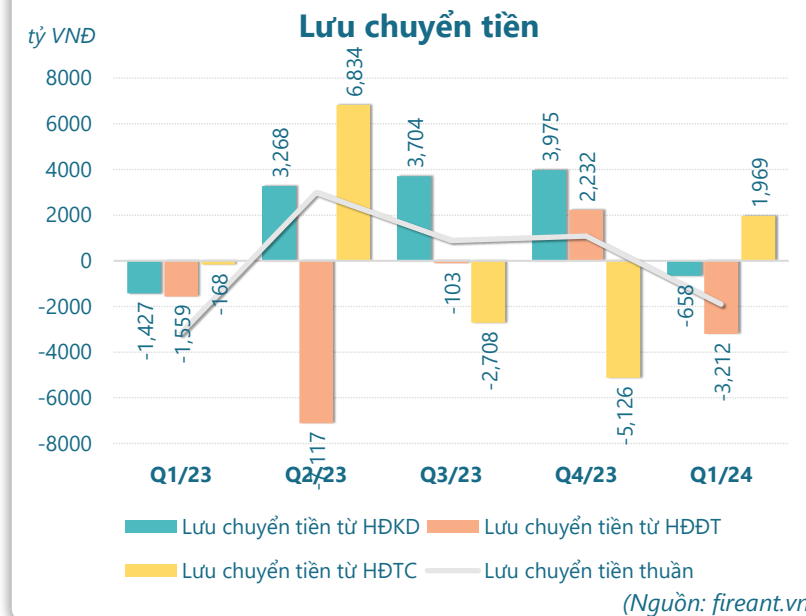
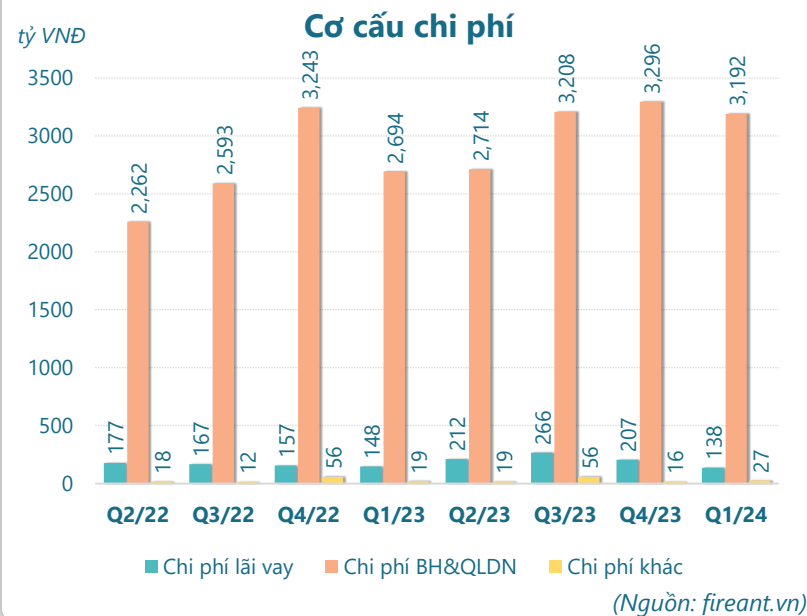
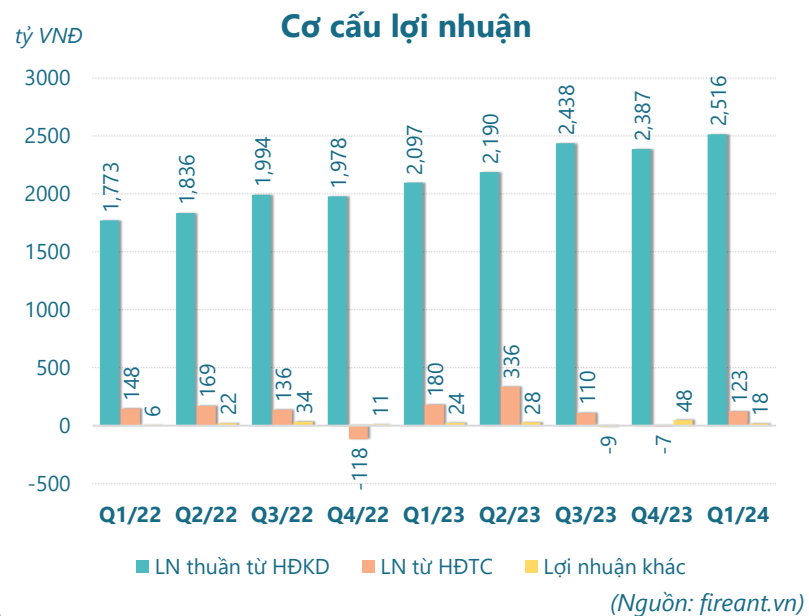
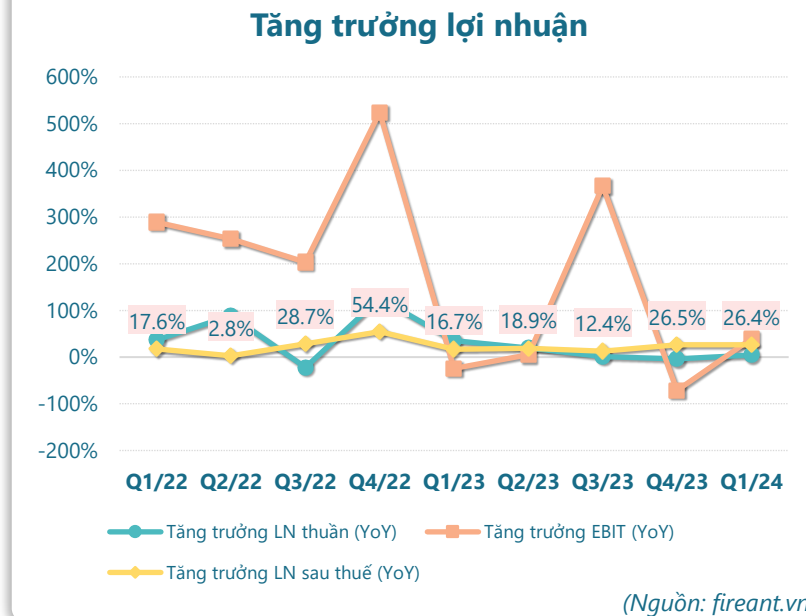
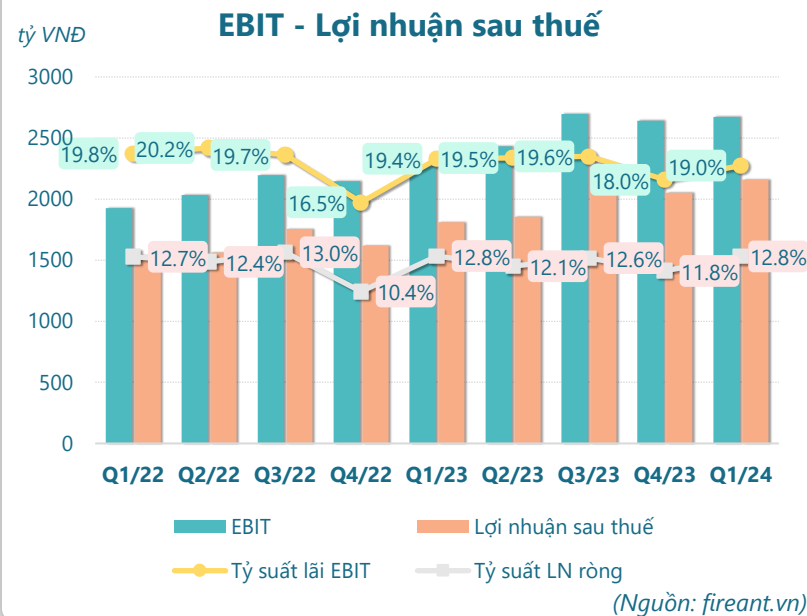
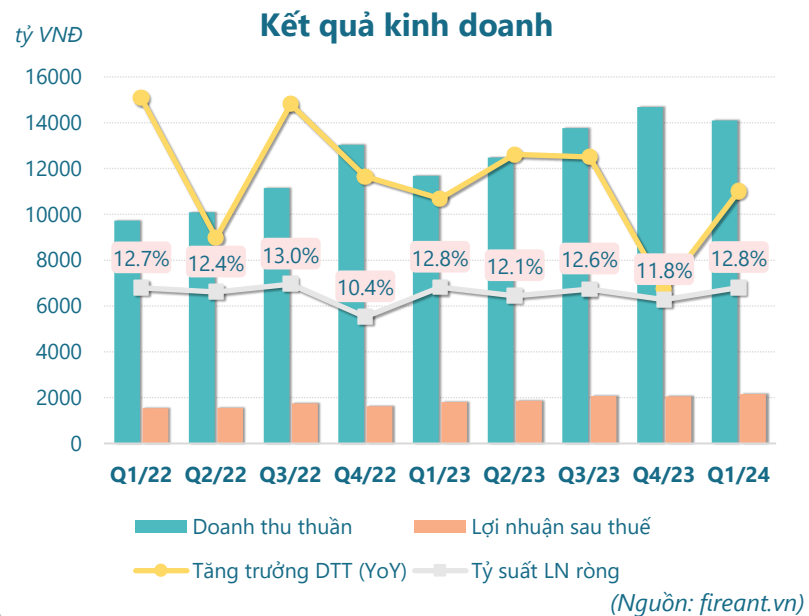
YoY: ▲ 1,297| 20.0%

**ROE**  
2023

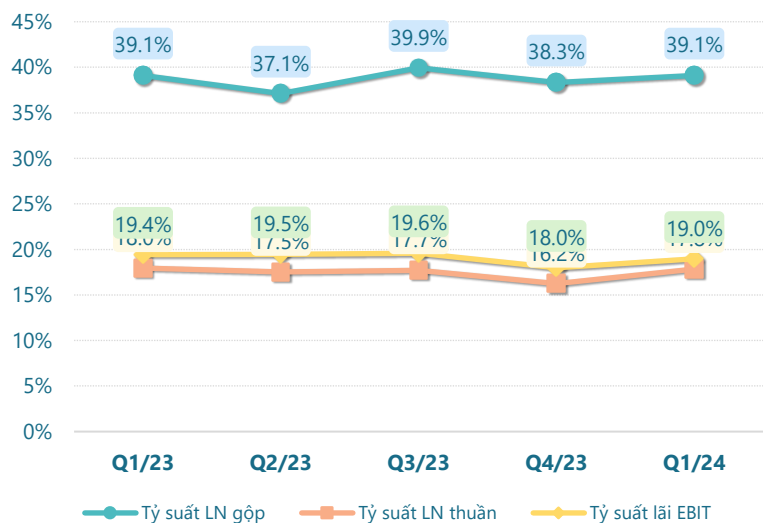
**23.4%**

+/- YoY: ▲ 0.7%



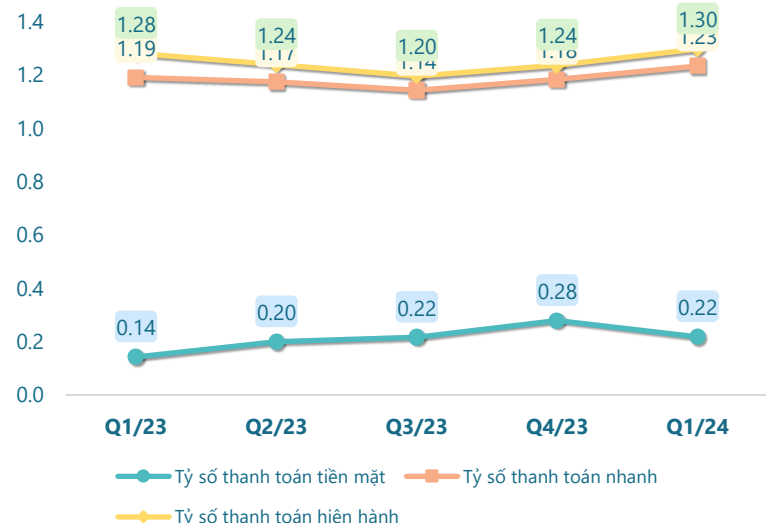


### Tỷ suất lợi nhuận



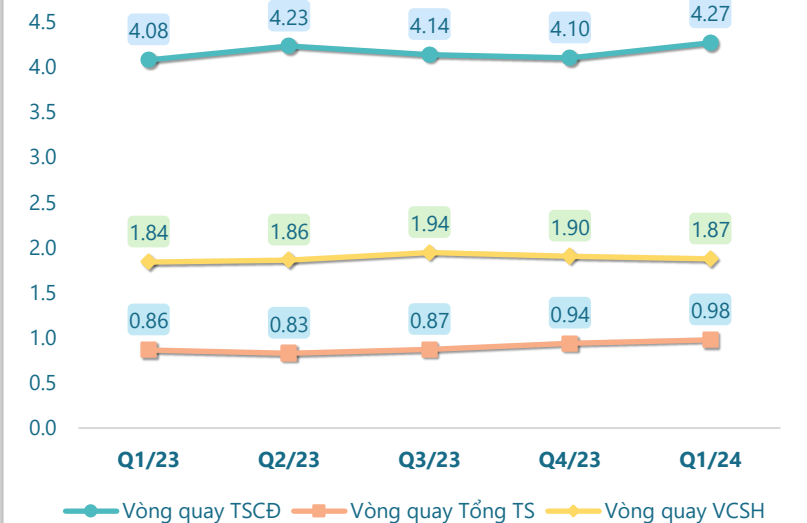
(Nguồn: fireant.vn)

### Chỉ số thanh khoản



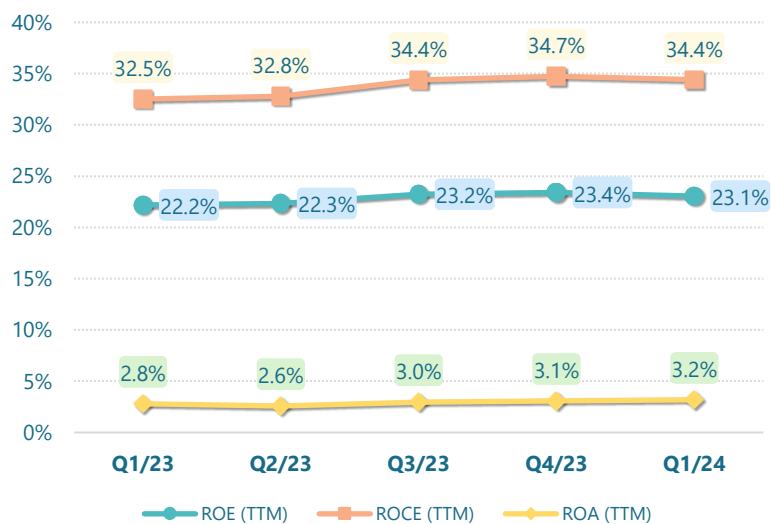
(Nguồn: fireant.vn)

### Vòng quay tài sản



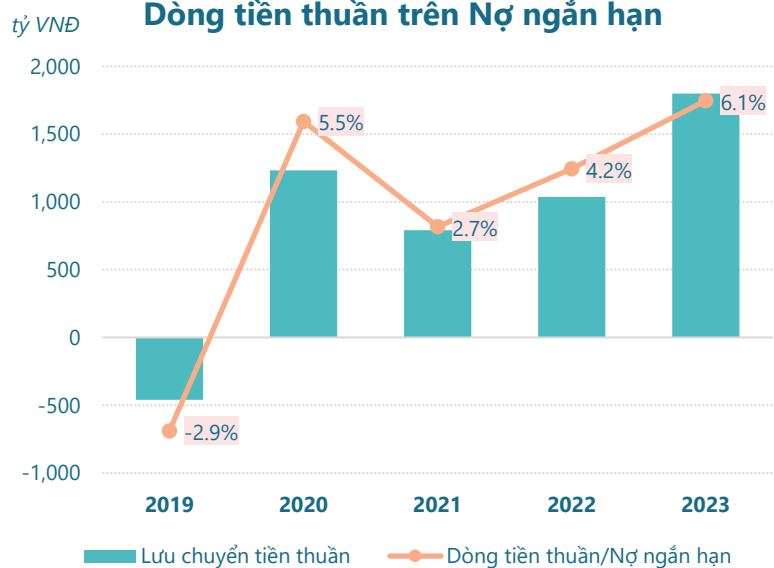
(Nguồn: fireant.vn)

### Tỷ suất sinh lợi



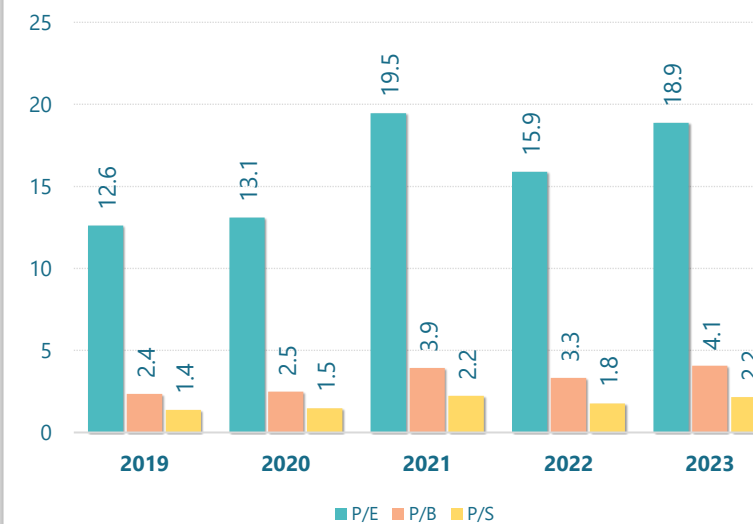
(Nguồn: fireant.vn)

### Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

### Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)